TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 06-9-2022
"*V/v xin ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Trang

Bà Nguyễn Thị Thùy Kha

- ***Thư ký phiên tòa:***Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 181/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đượng sự:

* ***Nguyên đơn***: **Anh Lê Tấn T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp N, xã T1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Chị Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Tấn T trình bày: Nguyên vào năm 2006, anh và chị Nguyễn Thị Đ qua quen biết tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp thuận tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/11/2006 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận tại nhà cha mẹ ruột của anh tại ấp N, xã T1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long được hơn bảy năm. Ba năm sau đôi bên nhận ra không còn phù hợp trong đời sống vợ chồng nên thường hay cải vả, gây gổ do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tháng 6 năm 2016, chị Đ tự ý đưa con về sống ở nhà cha mẹ vợ tại ấp Q, xã NQ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang và ly thân với anh khoảng 6 năm.

Đến ngày 10/4/2022 vừa qua, chị Đ biết anh vừa mới xây xong nhà riêng nên tự ý về sống chung nhà với anh đến nay. Nay anh cảm thấy tình cảm giữa anh với chị Đ không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

- Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Phú V, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2009, hiện đang sống với chị Đ. Sau khi ly hôn,

anh tự nguyện giao cháu V cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Nguyễn Thị Đ nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Lê Tấn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Đ và cho rằng hiện nay chị Đ không còn sống cùng với anh nữa mà đã trở về thị xã C, tỉnh Tiền Giang sinh sống. Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006, anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện M, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/11/2006. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Đ là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh T cho rằng vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau đôi bên nhận ra không còn phù hợp trong đời sống vợ chồng nên thường hay cải vả, gây gổ do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được; đến tháng 6 năm 2016, chị Đ tự ý đưa con về sống ở nhà cha mẹ vợ tại ấp Q, xã NQ, thị xã C, tỉnh Tiền Giang khoảng 6 năm. Đến ngày 10/4/2022, anh vừa mới xây xong nhà riêng nên chị Đ tự ý về sống chung nhà với anh đến nay nhưng anh không đồng ý hàn gắn vì thời gian ly thân quá lâu, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

Chị Đ đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Đ đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, xét việc anh T yêu cầu ly hôn với chị Đ là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Lê Phú V, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2009, theo anh T cho rằng đang sống với mẹ là chị Đ. Quá trình giải quyết Tòa án yêu cầu anh T đưa cháu V đến Tòa án để trình bày nguyện vọng muốn sống với ai khi cha mẹ ly hôn nhưng anh T cho rằng chị Đ đã dẫn con đi về quê ngoại sinh sống, anh có yêu cầu chị Đ dẫn con về nhưng không được nên Tòa án không làm việc được với cháu V. Anh T xác định cuộc sống hiện nay của cháu V ổn định và tự nguyện giao cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Lê Phú V cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại

Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu cấp dưỡng con nên không xem xét.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tấn T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Lê Tấn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

2/ Về con chung: giao con chung Lê Phú V, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: anh Lê Tấn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007154 ngày 30 tháng 5 năm 2022, anh T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSND huyện MT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THADS;
- UBND T1;
- Đương sự;
- Lưu HS.

(đã ký)

Võ Thị Tám